

Số: 947/QĐ-LTT-ĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy
cho học sinh khóa 15 TCT, 15 TN và các khóa cũ thi lại**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP.HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 233/TB-LTT-ĐT ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về điều kiện dự thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp của học sinh khóa 2015 (12+2, 12+2N3T);

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-LTT-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp khóa 2015 (12+2, 12+2 năm 3 tháng) và các khóa cũ thi lại;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp khóa 2015 (12+2, 12+2 năm 3 tháng) và các khóa cũ thi lại ngày 07 tháng 9 năm 2017;

Căn cứ Thông báo số 912/TB-LTT-ĐT ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc nộp bản sao bằng tốt nghiệp THPT của học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TN;



Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy cho 49 học sinh của khóa 15 TCT, 15 TN và các khóa cũ thi lại, cụ thể như sau:

1. Khóa 15 TCT : 12 học sinh
2. Khóa 15 TN : 25 học sinh
3. Khóa cũ thi lại : 12 học sinh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *luu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT *luu*

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc





**DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA 15 TN, 15 TCT VÀ CÁC KHÓA CŨ
ĐU ĐỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số: 947/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã số HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Ghi chú
1	13B2190048	Manh Văn Kha	Nam	20/4/1994	Tiền Giang	13TC-ĐL	6.2	6.7	6.5	Trung bình khá	
2	14000159	Phạm Hữu Sang	Nam	22/02/1992	TP. Hồ Chí Minh	14TC-CKT	6.5	6	6.3	Trung bình khá	
3	14000034	Phan Thanh Hùng	Nam	21/5/1994	Quảng Ngãi	14TC-Đ	6.4	6.3	6.4	Trung bình khá	
4	14000058	Nguyễn Văn Sang	Nam	20/3/1996	Bình Định	14TC-Đ	6.4	6.8	6.6	Trung bình khá	
5	14000067	Nguyễn Thanh Thảo	Nam	05/10/1996	Bình Định	14TC-Đ	6	6	6	Trung bình khá	
6	14000072	Nguyễn Quốc Trí	Nam	18/12/1995	TP. Hồ Chí Minh	14TC-Đ	6	6.8	6.4	Trung bình khá	
7	14000082	Nguyễn Hải Vinh	Nam	24/4/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	14TC-Đ	6	7	6.5	Trung bình khá	
8	13B2250018	Vũ Thành Đạt	Nam	16/3/1995	TP. Hồ Chí Minh	14TC-Ô1	5.9	6	6	Trung bình khá	
9	14000203	Phạm Khắc Dũng	Nam	04/8/1996	Gia Lai	14TC-Ô1	5.9	5.5	5.7	Trung bình	
10	14000274	Trần Văn Hường	Nam	23/10/1996	Kiên Giang	14TC-Ô2	6.6	6.3	6.5	Trung bình khá	
11	14000282	Đoàn Minh Luận	Nam	15/6/1993	Quảng Ngãi	14TC-Ô2	6.5	6.2	6.4	Trung bình khá	
12	14000303	Nguyễn Minh Trí	Nam	07/11/1994	Bình Định	14TC-Ô2	6.1	6	6.1	Trung bình khá	
13	15001550	Phạm Khánh Sang	Nam	29/09/1997	Bình Thuận	15TCT-CK	6.2	7	6.6	Trung bình khá	
14	15001621	Nguyễn Phan Thắng	Nam	04/01/1997	Bình Thuận	15TCT-CK	6.4	7.8	7.1	Khá	



STT	Mã số HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Ghi chú
15	15002323	Nguyễn Thành Trung	Nam	23/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	15TCT-CK	6.6	7.8	7.2	Khá	
16	15001562	Nguyễn Huỳnh Nhạc	Nam	07/02/1997	Đồng Tháp	15TCT-Đ	6.7	6	6.4	Trung bình khá	
17	15001331	Nguyễn Văn Nhật	Nam	20/01/1997	Bình Định	15TCT-Đ	7.4	6.8	7.1	Khá	
18	15000917	Lê Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	09/03/1997	Long An	15TCT-Đ	7.1	7.5	7.3	Khá	
19	15001937	Nguyễn Văn Thuật	Nam	21/11/1997	Bình Định	15TCT-Đ	6.9	6.8	6.9	Trung bình khá	
20	15003347	Bùi Thị Kim Nhung	Nữ	26/07/1997	Gia Lai	15TCT-MTT	7.4	7.2	7.3	Khá	
21	15000585	Nguyễn Thị Ái Thắm	Nữ	09/09/1997	Bình Định	15TCT-MTT	7.3	7.3	7.3	Khá	
22	15001251	Lê Văn Tươi	Nam	25/11/1994	Bình Định	15TCT-NL	6.6	7	6.8	Trung bình khá	
23	15000562	Bùi Quang Vinh	Nam	12/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15TCT-NL	7	6.3	6.7	Trung bình khá	
24	15002584	Trần Thiện Dũng	Nam	29/07/1995		15TCT-QTM	7.3	8.3	7.8	Khá	
25	15000520	Lê Minh Bình	Nam	12/04/1996	Kiên Giang	15TN-CK	6.5	7.2	6.9	Trung bình khá	
26	14000181	Lương Phước Đạo	Nam	02/02/1995	Quảng Ngãi	15TN-CK	6.2	6.7	6.5	Trung bình khá	
27	15003209	Nguyễn Văn Dũng	Nam	28/10/1991	Thanh Hoá	15TN-CK	7.1	7.3	7.2	Khá	
28	15003039	Trần Ngọc Hiếu	Nam	07/02/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	15TN-CK	6.5	7.3	6.9	Trung bình khá	
29	15001659	Nguyễn Minh Luân	Nam	24/08/1997	Đồng Tháp	15TN-CK	7.5	8	7.8	Khá	
30	15000839	Nguyễn Văn Mẫu	Nam	09/04/1997	Bến Tre	15TN-CK	6.5	8	7.3	Khá	
31	15003248	Phạm Ngọc Sơn	Nam	11/11/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	15TN-CK	6.5	7.2	6.9	Trung bình khá	
32	15003048	Tạ Công Tài	Nam	18/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	15TN-CK	6.6	7.3	7	Khá	
33	15003426	Trần Thanh Tín	Nam	18/06/1996	Quảng Ngãi	15TN-CK	6.8	6.8	6.8	Trung bình khá	
34	15003220	Lê Văn Di	Nam	01/10/1997	An Giang	15TN-D	6.6	6.3	6.5	Trung bình khá	

STT	Mã số HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Ghi chú
35	15003183	Nguyễn Đăng Dũng	Nam	06/01/1996	Bình Phước	15TN-Đ	6.7	6.3	6.5	Trung bình khá	
36	15002036	Phan Hoàng Hưng	Nam	09/09/1996	Nghệ An	15TN-Đ	6.8	7.2	7	Khá	
37	15003126	Trần Thế Phương	Nam	06/05/1995	Phú Yên	15TN-Đ	7.9	7.5	7.7	Khá	
38	15000996	Bùi Công Thắng	Nam	21/09/1997	Thái Bình	15TN-Đ	7.6	7.2	7.4	Khá	
39	15003506	Dương Phước Anh Thuận	Nam	19/07/1996	Đồng Nai	15TN-Đ	6.8	6.8	6.8	Trung bình khá	
40	15001286	Phan Thị Kiều Anh	Nữ	02/04/1991	Kiên Giang	15TN-MTT	7.2	7	7.1	Khá	
41	15001889	Đặng Thị Hà Nhi	Nữ	02/08/1997	Bình Thuận	15TN-MTT	7	6.8	6.9	Trung bình khá	
42	15003490	Bùi Hoàng Nhân	Nam	06/08/1996	Kiên Giang	15TN-NL	6.6	5.5	6.1	Trung bình khá	
43	15003487	Võ Thanh Phong	Nam	22/04/1995	Quảng Ngãi	15TN-NL	6.9	7	7	Khá	
44	15003320	Trần Mũ Tắc	Nam	04/01/1994	Đắk Nông	15TN-NL	7.5	7	7.3	Khá	
45	15003457	Nguyễn Tấn Tài	Nam	12/05/1992	Tiền Giang	15TN-NL	7.4	8.2	7.8	Khá	
46	15002599	Nguyễn Hoài Nam	Nam	20/05/1995	Đắk Lắk	15TN-Ô	7	7.7	7.4	Khá	
47	15002498	Ngô Đặng Duy Thanh	Nam	05/09/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	15TN-Ô	7.5	6.5	7	Khá	
48	15003433	Dương Thanh Tùng	Nam	09/06/1995	Long An	15TN-Ô	6.8	7	6.9	Trung bình khá	
49	15003360	Lê Văn Lợi	Nam	20/10/1995	Đắk Lắk	15TN-QTM	6.5	5.8	6.2	Trung bình khá	

Tổng cộng danh sách có 49 học sinh.

* Loại **KHÁ** : 20 HS # 40.82 %
 * Loại **TB KHÁ** : 28 HS # 57.14 %
 * Loại **TB** : 1 HS # 2.04 %

Trong đó: Đã có CC Tin học: 22 (Không tính 2 HS ngành QTM)
 Đã có CC Anh văn: 22

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2017

**DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA 15 TN, 15 TCT VÀ CÁC KHÓA CŨ
KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**

STT	Mã số HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Ghi chú
1	13B2020002	Nguyễn Trường Ân	Nam	01/01/1993	Cần Thơ	13TC-QTM	6.3	4.7	5.5		Nợ: TN Thực hành nghề nghiệp
2	12B2020004	Huỳnh Văn Dương	Nam	16/6/1994	Phước Yên	13TC-QTM	6.1	4.5	5.3		Nợ: TN Thực hành nghề nghiệp
3	13B2020048	Hà Minh Mẫn	Nam	24/02/1991	Tây Ninh	13TC-QTM	5.9	4.5	5.2		Nợ: TN Thực hành nghề nghiệp
4	14000184	Nguyễn Quang Huy	Nam	16/11/1994	TP. Hồ Chí Minh	14TC-CKP	6.9	0	3.5		Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, TN Thực hành nghề nghiệp, TN Giáo dục Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5.
5	14000059	Phạm Thanh Sang	Nam	05/9/1992	Cà Mau	14TC-Đ	6.2	5	5.6		Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp.
6	14000277	Dương Trung Kiên	Nam	01/6/1996	Bình Thuận	14TC-Ô2	6	5.3	5.7		Nợ: TN Thực hành nghề nghiệp.
7	14000281	Nguyễn Thành Lộc	Nam	18/5/1996	TP. Hồ Chí Minh	14TC-Ô2	6	2.8	4.4		Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, TN Thực hành nghề nghiệp, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5.
8	14000286	Lê Bá Thụy Nhân	Nam	24/7/1993	Đồng Nai	14TC-Ô2	5.9	0	3		Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, TN Thực hành nghề nghiệp, TN Giáo dục Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5.
9	15003285	Phạm Ngọc Thống	Nam	28/08/1996	Bình Định	15TCT-Đ	6.8	6.7	6.8		Nợ: Toán.
10	15003375	Trần Nguyễn Xuân Thảo	Nữ	07/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	15TCT-MTT	6.6	5.8	6.2		Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp.
11	15002469	Nguyễn Trường Giang	Nam	18/11/1996	Long An	15TCT-Ô	6.8	6.3	6.6		Nợ: TN Thực hành nghề nghiệp.
12	15000941	Bùi Hữu Toàn	Nam	21/04/1997	Khánh Hoà	15TCT-Ô	6.3	5.5	5.9		Nợ: TN Thực hành nghề nghiệp.

STT	Mã số HS	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TK	Điểm TB thi TN	Điểm xếp loại TN	Xếp loại TN	Ghi chú
13	15002747	Phạm Ngọc Gia Phú	Nam	15/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	15TCT-QTM	6.1	3	4.6		Nợ: TN Thực hành nghề nghiệp, TN Giáo dục Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5.
14	15002708	La Hồng Phước	Nam	28/02/1992		15TN-NL	7	0	3.5		Nợ: TN Lý thuyết tổng hợp, TN Thực hành nghề nghiệp, TN Giáo dục Chính trị, Điểm trung bình tốt nghiệp < 5.
15	15003463	Đoàn Văn Cường	Nam	02/02/1995	Bến Tre	15TN-NL	6.6	6.5	6.6	Trung bình khá	Chưa nộp BS bằng THPT
16	15003392	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	14/03/1996	Đồng Nai	15TN-NL	7	6.5	6.8	Trung bình khá	Chưa nộp BS bằng THPT
17	15002987	Đặng Bá Huynh	Nam	21/08/1997	Bình Thuận	15TN-NL	6.7	6.5	6.6	Trung bình khá	Chưa nộp BS bằng THPT
18	15003281	Hồ Phi Nam	Nam	16/03/1995	Nghệ An	15TN-NL	7.9	8.5	8.2	Giỏi	Chưa nộp BS bằng THPT
19	15003468	Phạm Tiến Dũng	Nam	10/03/1993	Đắk Nông	15TN-Ô	7.7	8.2	8	Giỏi	Chưa nộp BS bằng THPT
20	15003240	Nguyễn Lã	Nam	15/05/1997	Quảng Ngãi	15TN-Ô	7.5	7.7	7.6	Khá	Chưa nộp BS bằng THPT
21	15002000	Nguyễn Bảo Nghi	Nam	24/04/1997	Đồng Tháp	15TN-Ô	6.6	6.7	6.7	Trung bình khá	Chưa nộp BS bằng THPT
22	15002026	Nguyễn Thanh Quân	Nam	04/08/1995	Đắk Nông	15TN-Ô	6.7	6.2	6.5	Trung bình khá	Chưa nộp BS bằng THPT

Tổng cộng danh sách có 22 học sinh.

Người lập biểu



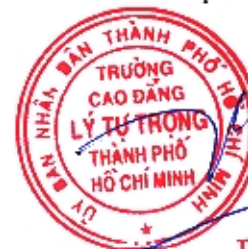
Võ Thị Xuân Thơ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO



Nguyễn Thị Nhuận

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017

**THỐNG KÊ KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP CỦA HỌC SINH KHÓA 15 TN, 15 TCT
VÀ CÁC KHÓA CŨ THI LẠI**

TT	LỚP	DỰ THI	ĐẠT		GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH KHÁ		TRUNG BÌNH		KHÔNG ĐẠT		TRONG SỐ ĐẠT CÓ		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	Nợ bằng THPT	Nợ CC Tin học	Nợ CC Tiếng Anh
1	13TC-ĐL	1	1	100%		0%		0%	1	100%		0%	0	0%		1	
2	13TC-QTM	3	0	0%		0%		0%		0%		0%	3	100%			
3	14TC-CKP	1	0	0%		0%		0%		0%		0%	1	100%			
4	14TC-CKT	1	1	100%		0%		0%	1	100%		0%	0	0%		1	
5	14TC-Đ	6	5	83.33%		0%		0%	5	100%		0%	1	16.67%		3	5
6	14TC-Ô1	2	2	100%		0%		0%	1	50%	1	50%	0	0%		2	1
7	14TC-Ô2	6	3	50%		0%		0%	3	100%		0%	3	50%		3	2
TỔNG		20	12	60%	0	0%	0	0%	11	91.67%	1	8.33%	8	40%	0	10	8
8	15TCT-CK	3	3	100%		0%	2	66.67%	1	33.33%		0%	0	0%		1	3
9	15TCT-Đ	5	4	80%		0%	2	50%	2	50%		0%	1	20%			1
10	15TCT-MTT	3	2	66.67%		0%	2	100%		0%		0%	1	33.33%		1	
11	15TCT-NL	2	2	100%		0%		0%	2	100%		0%	0	0%		2	1
12	15TCT-Ô	2	0	0%		0%		0%		0%		0%	2	100%			
13	15TCT-QTM	2	1	50%		0%	1	100%		0%		0%	1	50%		1	1
TỔNG		17	12	70.59%	0	0%	7	58.33%	5	41.67%	0	0%	5	29.41%	0	5	6

TT	LỚP	DỰ THI	ĐẠT		GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH KHÁ		TRUNG BÌNH		KHÔNG ĐẠT		TRONG SỐ ĐẠT CÓ		
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	Nợ bằng THPT	Nợ CC Tin học	Nợ CC Tiếng Anh
14	15TN-CK	9	9	100%		0%	4	44.44%	5	55.56%		0%	0	0%		4	9
15	15TN-Đ	6	6	100%		0%	3	50%	3	50%		0%	0	0%		3	1
16	15TN-MTT	2	2	100%		0%	1	50%	1	50%		0%	0	0%		1	
17	15TN-NL	9	8	88.89%	1	12.5%	3	37.5%	4	50%		0%	1	11.11%	4	3	3
18	15TN-Ô	7	7	100%	1	14.29%	3	42.86%	3	42.86%		0%	0	0%	4	7	7
19	15TN-QTM	1	1	100%		0%		0%	1	100%		0%	0	0%			
TỔNG		34	33	97.06%	2	6.06%	14	42.42%	17	51.52%	0	0%	1	2.94%	8	18	20
TỔNG CỘNG		71	57	80.28%	2	3.51%	21	36.84%	33	57.9%	1	1.75%	14	19.72%	8	33	34

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TUYỂN SINH - ĐÀO TẠO

* HS không nộp bản sao bằng THPT không được công nhận tốt nghiệp

Nguyễn Thị Nhuận